
SỰ PHÁT TRIỂN QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ VAI TRÒ KINH TẾ TƯ NHÂN CỦA NGƯỜI VIỆT NAM VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

Ngô Thăng Lợi

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: loint@neu.edu.vn

Bùi Đức Tuân

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: tuanbd@neu.edu.vn

Mã bài báo: JED-1307

Ngày nhận: 07/07/2023

Ngày nhận bản sửa: 03/10/2023

Ngày duyệt đăng: 07/11/2023

Mã DOI: 10.33301/JED.VI.1307

Tóm tắt:

Bài viết dựa trên quan điểm đa chiều trong nghiên cứu kinh tế tư nhân của người Việt Nam, đã hệ thống hóa quá trình phát triển quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam về kinh tế tư nhân, từ chỗ xem như là đối tượng cần “cải tạo” cho đến xác định là một động lực quan trọng đối với phát triển kinh tế đất nước. Trên cơ sở xem xét tổng thể sự phát triển kinh tế tư nhân của người Việt nam hiện nay, tác giả khẳng định mặc dù đã có nhiều bước tiến vượt bậc nhưng với vai trò là động lực phát triển thì còn nhiều vấn đề đặt ra đối với bộ phận kinh tế này và cần phải có những định hướng đột phá nhằm đảm bảo cho khu vực kinh tế tư nhân có thể gánh vác được một trách nhiệm nặng nề hơn hiện nay.

Từ khóa: Doanh nhân, động lực quan trọng, doanh nghiệp tư nhân Việt, kinh tế tư nhân, tập đoàn kinh tế tư nhân.

Mã JEL: H32; L53; M2.

The Development of The Party’s Perception on the Role in Private Economy and Raising Issues

Abstract:

Adopting a multi-dimensional approach in studying the private businesses operated by Vietnamese entrepreneurs, the paper has provided a systematic analysis of the evolution in the Communist Party of Vietnam’s viewpoints on the private sector, from seeing it as the subject to being “changed” to positioning it in the important driving seat for the nation’s economic development. Based on a holistic review of the current development of private businesses operated by Vietnamese entrepreneurs, the paper affirms that despite tremendous improvement in private businesses’ role as a driving force of development, many challenges are still faced by this sector. A more decisive turning point in its development direction is urgently needed for the private sector to perform its increasingly important role in an internationally integrated economy successfully.

Keywords: Entrepreneurs, important driving force, private businesses operated by Vietnamese entrepreneurs, private economy, private groups.

JEL codes: H32, L53, M2.

1. Đặt vấn đề

Xét về nguyên lý, nền kinh tế thị trường có cấu trúc đa sở hữu, trong đó kinh tế tư nhân luôn luôn là thành tố tất yếu, bắt buộc, phủ nhận kinh tế tư nhân có nghĩa là bác bỏ kinh tế thị trường trên thực tế. Lê-nin (1978) đã nói rằng nếu tìm cách ngăn cấm, triệt để chặn đứng mọi sự phát triển của sự trao đổi tư nhân, không phải là quốc doanh, tức là của thương mại, thì chính sách ấy là một sự đại đột và tự sát vì nó không thể nào thực hiện được và nhất định sẽ bị phá sản. Lý thuyết kinh tế học phát triển đã chỉ rõ: Sự tăng trưởng kinh tế bền vững lại bắt đầu tại các nước phương Tây, lý do chính là các quyết định sản xuất được đưa ra bởi các tư nhân hoạt động vì lợi nhuận (Nafziger, 1998). Trong nền kinh tế thị trường, việc quyết định xem sản xuất và tiêu thụ cái gì và bao nhiêu (cũng như ở đâu và như thế nào) đều được các đơn vị kinh tế tư nhân đưa ra (Todaro, 1997) và chỉ khi nào việc trả lời các câu hỏi của nền kinh tế: sản xuất cái gì, sản xuất bao nhiêu và sản xuất cho ai là do khu vực kinh tế tư nhân quyết định thì lúc đó mới có thể nói đến phát triển bền vững (Ngô thẳng Lợi, 2011). Khu vực kinh tế tư nhân cũng được coi bộ phận chủ lực của nền kinh tế trong cuộc chiến ứng phó với những thách thức mới nổi toàn cầu như biến đổi khí hậu, sức khoẻ con người, vật nuôi và hệ sinh thái (Mac Sweeney, 2008; IFC, 2011; Haider, 2014).

Từ thực tiễn phát triển mấy trăm năm của kinh tế thị trường trên thế giới cho thấy, các nền kinh tế thị trường phát triển mạnh đều dựa trên việc xác định khu vực kinh tế tư nhân đóng vai trò dẫn dắt, lực lượng nòng cốt, tạo tác động lan toả, bao trùm trong phát triển kinh tế, xã hội của đất nước. Theo Bộ Ngoại giao và Thương mại Chính phủ Úc (2014), xét trên bình diện quốc tế, khu vực kinh tế tư nhân “... (i) tạo ra 90% việc làm; (ii) tài trợ hơn 60% lượng vốn đầu tư vào các nước đang phát triển; (iii) đóng góp hơn 80% ngân sách của chính phủ ở các quốc gia có thu nhập thấp và trung bình thông qua thuế thu nhập doanh nghiệp, tiền thuế tài nguyên và thuế thu nhập cho nhân viên; (iv) cung cấp ngày càng đa dạng các dịch vụ thiết yếu như ngân hàng, viễn thông, y tế và giáo dục; (v) Phát minh, thiết kế và sản xuất hầu hết các hàng hoá và dịch vụ mà người nghèo sử dụng và thúc đẩy nền kinh tế; và (iv) là nhà sản xuất xuất khẩu chiếm ưu thế trong hầu hết mọi nền kinh tế”. Còn theo Ủy ban châu Âu (EC, 2014), khu vực kinh tế tư nhân là động lực thúc đẩy tăng trưởng và tạo việc làm, đóng góp tới 84% GDP và 90% việc làm ở các quốc gia đang phát triển.

Ở Việt Nam, xét theo định hướng và tầm nhìn phát triển mới, Văn kiện Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam (2021) lần XIII năm 2021 đã xác định rõ: đến 2030 Việt nam trở thành nước có mức thu nhập Trung bình cao, 2045 là nước có mức thu nhập cao, gắn liền với hiện đại hóa nền kinh tế, nâng cao hiệu quả kinh tế, phát triển bền vững, bảo đảm công bằng thúc đẩy hội nhập xã hội và đẩy mạnh phát triển khu vực kinh tế tư nhân. Riêng đối với khu vực kinh tế tư nhân, trước đó, trong nhiệm kỳ Đại hội XII, Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 3 tháng 6 năm 2017 của Hội nghị Trung ương lần thứ 5 đã đưa ra quan điểm chỉ đạo (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2017), trong đó nhấn mạnh: (i) Phát triển kinh tế tư nhân lành mạnh theo cơ chế thị trường là một yêu cầu khách quan, vừa cấp thiết, vừa lâu dài, là một phương sách quan trọng để giải phóng sức sản xuất, huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phát triển; (ii) Kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng để phát triển kinh tế.

Với cách đặt vấn đề về lý luận và thực tiễn ở quốc tế và trong nước nói trên, từ việc thể hiện rõ quan điểm đa chiều khi nói đến khu vực kinh tế tư nhân, bài viết muốn đi sâu vào một chuỗi nội dung liên quan đến sự phát triển quan điểm của Đảng về khu vực kinh tế tư nhân: (i) Cùng với quá trình chuyển đổi nền kinh tế từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, quan điểm của Đảng về kinh tế tư nhân có sự thay đổi như thế nào cho đến khi xác định khu vực này là một động lực quan trọng trong phát triển kinh tế; (ii) Sự phát triển kinh tế tư nhân của người Việt Nam hiện nay đã đáp ứng được những gì và còn những vấn đề bất cập gì khi xét vai trò là động lực quan trọng trong phát triển kinh tế mà Đảng đã đặt ra; (iii) Những sự điều chỉnh quan trọng nào đối với khu vực kinh tế tư nhân để thực sự đóng được vai trò là động lực quan trọng trong phát triển kinh tế mà Đảng đặt ra, thậm chí nhằm kỳ vọng được định vị cao hơn trong thời gian tới theo xu hướng phát triển kinh tế thị trường.

2. Quan điểm đa chiều đối với nghiên cứu phát triển kinh tế tư nhân của người Việt Nam

Theo cách hiểu chung nhất, kinh tế tư nhân của người Việt Nam bao gồm các doanh nghiệp trong và ngoài nước, trong đó tư nhân nắm trên 50% vốn đầu tư. Tuy nhiên, cần có cái nhìn đa chiều khi xác định vị trí, vai trò và đánh giá phát triển khu vực kinh tế này, trên những góc độ sau đây:

Trước hết, khu vực kinh tế tư nhân của người Việt Nam, không nên hiểu nó chỉ bao gồm kinh tế tư nhân trong nước mà là kinh tế tư nhân của những người mang quốc tịch Việt Nam, bao gồm bộ phận kinh doanh trong nước, đang hoạt động đầu tư kinh doanh ở nước ngoài, các doanh nghiệp Việt Nam đang có các hoạt động đầu tư ra nước ngoài hoặc đang có hoạt động liên kết đầu tư, kinh doanh với các doanh nghiệp nước ngoài. Đây là một quan niệm cần được hiểu đầy đủ, làm cơ sở khẳng định tiềm năng và vị trí của kinh tế tư nhân Việt Nam, mở ra một khả năng khai thác, nâng cao năng lực và phạm vi hoạt động của kinh tế tư nhân.

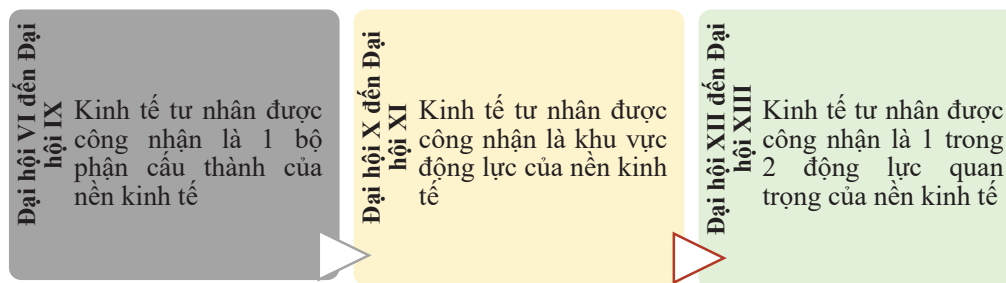
Thứ hai, kinh tế tư nhân của người Việt Nam được xem xét cả khía cạnh pháp nhân (thực thể nền kinh tế) và thể nhân (chủ nhân) của khu vực kinh tế này. Yếu tố pháp nhân của khu vực kinh tế tư nhân đó là các tập đoàn kinh tế tư nhân, doanh nghiệp tư nhân, các công ty cổ phần và các hộ kinh doanh cá thể. Khía cạnh thể nhân là nói đến các doanh nhân. Nghiên cứu doanh nhân Việt để hiểu được đặc trưng của đội ngũ này, thực lực của đội ngũ này, sự thay đổi thích ứng và sự phát triển của họ trong quá trình phát triển của khu vực kinh tế tư nhân gắn với thể chế kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, bài viết này nhấn mạnh chủ yếu đến khía cạnh doanh nghiệp tư nhân với lý do khi đặt vấn đề về khu vực kinh tế tư nhân trong đường lối phát triển, quan điểm của Đảng là đứng trên góc độ tổng thể lực lượng kinh tế tư nhân, đó là các thực thể pháp nhân của khu vực này bao gồm các doanh nghiệp tư nhân và cả các hộ kinh doanh cá thể trong nền kinh tế (gọi chung là doanh nghiệp tư nhân).

Thứ ba, ở khía cạnh doanh nghiệp tư nhân, cần hiểu đồng thời trên cả hai phương diện chủ sở hữu và khía cạnh tổ chức sản xuất. Góc độ chủ sở hữu là nói đến tính chất xã hội hóa về tư liệu sản xuất, tức là nói đến có khu vực kinh tế tư nhân trong mối quan hệ với khu vực kinh tế nhà nước và khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài. Góc độ tổ chức sản xuất là nói đến mô hình, loại hình tổ chức kinh doanh, bao gồm các hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp tư nhân, các tập đoàn kinh tế và với các mức độ quy mô lớn, vừa nhỏ và tính chất tổ chức sản xuất, áp dụng công nghệ, kỹ thuật khác nhau. Theo quan điểm của bài viết, cần nhấn mạnh nhiều hơn đến khía cạnh tổ chức sản xuất, các mô hình (loại hình) khu vực kinh tế tư nhân, mối liên hệ cần giải quyết trong nội bộ khu vực kinh tế tư nhân.

3. Sự phát triển quan điểm của Đảng về vai trò kinh tế tư nhân của người Việt Nam

Trong thời kỳ kế hoạch hóa tập trung mệnh lệnh, kinh tế tư nhân là một thành phần bất hợp pháp, chỉ tồn tại thoi thóp, cầm chừng, các cơ sở kinh tế tư nhân luôn là đối tượng bị cải tạo, bị phân biệt đối xử, không chỉ trong ý thức xã hội mà còn cả trong cơ chế, chính sách nhà nước. Trong giai đoạn đổi mới kinh tế, cùng với chủ trương phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, quan điểm của Đảng về vị trí, vai trò của khu vực kinh tế tư nhân luôn được hoàn thiện, đổi mới. Bài viết hệ thống hóa sự phát triển quan điểm của Đảng đối với kinh tế tư nhân thành 3 giai đoạn chính như Hình 1.

Hình 1: Quá trình hoàn thiện quan điểm của Đảng về vai trò kinh tế tư nhân thời kỳ đổi mới



Nguồn: Tổng hợp từ Văn kiện Đại hội Đảng.

Giai đoạn 1: Xác định kinh tế tư nhân là một bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế.

Khi mới bắt đầu chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, trong nhiệm kỳ Đại hội VI năm 1986, Đảng ta đã xác định rõ: *nền kinh tế Việt Nam có cơ cấu nhiều thành phần là một đặc trưng của thời kỳ quá độ*. Quan

điểm về kinh tế tư nhân của Đảng mới chỉ đặt vấn đề trong Nghị quyết 16 của Bộ Chính trị khóa VI ngày 15 tháng 7 năm 1988 (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1988): Kinh tế tư nhân *được phát triển không hạn chế địa bàn, quy mô, ngành nghề mà pháp luật không cấm, tức là mới chỉ được công nhận ở khía cạnh vị trí pháp lý*. Đến nhiệm kỳ Đại hội IX năm 2001, với quan điểm chỉ đạo được thể hiện trong Chiến lược phát triển đất nước giai đoạn 2001-2010 là *tăng trưởng nhanh và đặt mục tiêu phát triển kinh tế lên vị trí trung tâm, Đảng đã khẳng định phát triển kinh tế tư nhân (trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa IX - tháng 3 năm 2002 (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002)) là vấn đề mang tính chiến lược lâu dài trong phát triển kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa*. Theo đó, *Kinh tế tư nhân được xác định là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân*. Nghị quyết định giúp gỡ bỏ nhiều lo ngại của thành phần kinh tế này trong đầu tư, phát triển sản xuất và đóng góp cho xã hội.

Giai đoạn 2: Định vị kinh tế tư nhân là động lực của nền kinh tế.

Với sự lớn mạnh của kinh tế tư nhân gần 20 năm (1986-2005), tại Đại hội X (4/2006) của Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), kinh tế tư nhân chính thức được xác nhận là một thành phần kinh tế trên cơ sở hợp nhất hai thành phần kinh tế: cá thể, tiểu chủ và tư bản tư nhân và được định vị rõ: *Kinh tế tư nhân có vai trò quan trọng, là một trong những động lực của nền kinh tế*. Đại hội đã thông qua một quyết định rất quan trọng là cho phép đảng viên được làm kinh tế tư nhân và thể hiện rõ quan điểm xoá bỏ mọi rào cản, tạo tâm lý xã hội và tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các loại hình doanh nghiệp của tư nhân phát triển. Đại hội XI năm 2011 (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011), vai trò kinh tế tư nhân được nâng tầm cao mới với việc đưa vào Nghị quyết: Hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển mạnh kinh tế tư nhân trở thành một trong những động lực của nền kinh tế.

Giai đoạn 3: Nâng tầm kinh tế tư nhân là động lực quan trọng của nền kinh tế.

Đại hội XII tháng 1 năm 2016, sự phát triển mới về nhận thức của Đảng đối với kinh tế tư nhân là chính thức xác nhận: *“kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế”*. Để bảo đảm tính hiệu quả kinh doanh của khu vực kinh tế tư nhân, Đảng tiếp tục chủ trương khuyến khích *hình thành một số tập đoàn kinh tế tư nhân đa sở hữu và tư nhân góp vốn vào các tập đoàn kinh tế nhà nước*. Đại hội XIII của Đảng tiếp tục làm rõ và sâu sắc hơn nhiều vấn đề mới về phát triển kinh tế tư nhân, khẳng định, phát triển mạnh mẽ khu vực kinh tế tư nhân cả về số lượng, chất lượng, hiệu quả, bền vững, *thực sự trở thành một động lực quan trọng trong phát triển kinh tế*. Đây là chủ trương lớn, nhất quán của Đảng vừa thúc đẩy kinh tế tư nhân tiếp tục phát triển; vừa phát huy vai trò của thành phần kinh tế này trong phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh quốc phòng trong tình hình mới. Khẳng định vai trò, động lực quan trọng của thành phần kinh tế tư nhân trong hội nhập quốc tế. Kinh tế tư nhân đã góp phần quan trọng trong huy động các nguồn lực xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, nhất là các lĩnh vực đầu tư, kinh doanh du lịch, khu đô thị, sản xuất ô tô, nông nghiệp công nghệ cao, thương mại, dịch vụ.

Như vậy, trong suốt từ năm 1986 đến nay, qua các kỳ Đại hội, quan điểm của Đảng về kinh tế tư nhân đã có những bước phát triển từ thấp đến cao, chuyển biến quan trọng cả trong lý luận và thực tiễn. Hiện nay, theo Đại hội XIII vừa qua, tư duy của Đảng về kinh tế tư nhân và phát triển kinh tế tư nhân thể hiện rõ tầm nhìn chiến lược đối với kinh tế tư nhân. Qua đó cho thấy rõ chủ trương dân giàu thì nước mạnh, kinh tế tư nhân cường thịnh đất nước hùng cường và hội nhập toàn diện.

4. Thực trạng vai trò động lực quan trọng của kinh tế tư nhân trong phát triển kinh tế và những vấn đề đang đặt ra

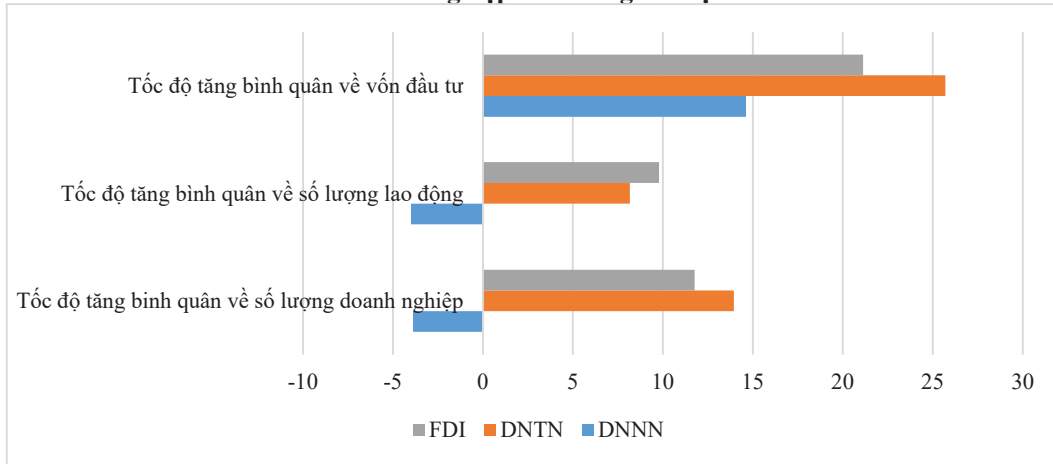
4.1. Khẳng định kinh tế tư nhân - một động lực quan trọng trong phát triển kinh tế Việt Nam

Thứ nhất, sự gia tăng nhanh hơn các khu vực kinh tế khác về quy mô số lượng nguồn lực phát triển của khu vực kinh tế tư nhân.

Hình 2 cho thấy giai đoạn 2011-2020 khu vực kinh tế tư nhân Việt có tốc độ tăng trưởng nhanh hơn các khu vực kinh tế khác được thể hiện trên mọi góc độ, cả về số lượng doanh nghiệp, về vốn đầu tư và về số lao động, cao hơn mức chung của cả nước (theo thứ tự mức chung của cả nước là: 10%; 21,9% và 5,1%):

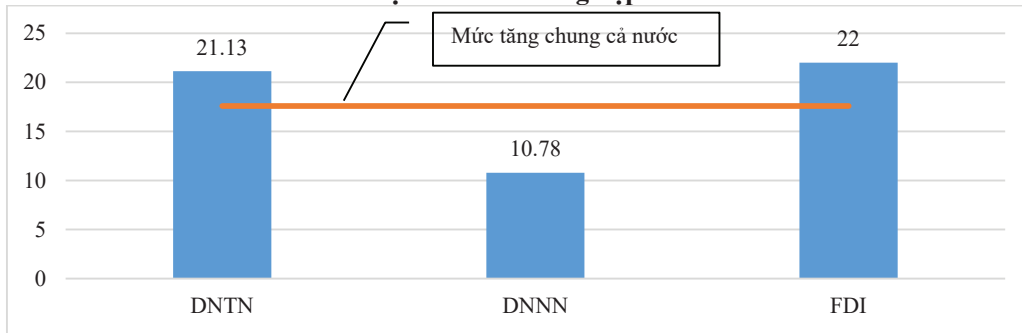
Thứ hai, doanh nghiệp tư nhân Việt đã thể hiện rõ vai trò lực kéo quan trọng dẫn dắt tăng trưởng kinh tế Việt Nam.

Hình 2: Tốc độ tăng bình quân về số lượng doanh nghiệp, số lượng lao động, vốn đầu tư doanh nghiệp tư nhân giai đoạn 2011-2020



Nguồn: tính toán từ VCCI (2020, 2021).

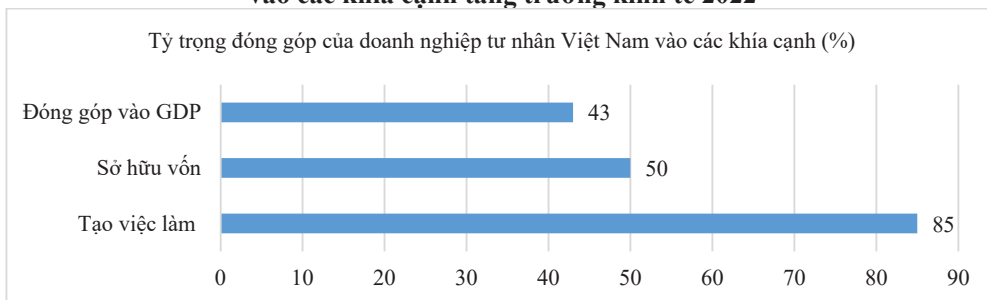
Hình 3: Tốc độ tăng doanh thu thuần của các loại hình doanh nghiệp 2011-2020



Nguồn: Tính toán từ VCCI (2020, 2021).

Trong giai đoạn 2011-2020, kết quả kinh doanh của lực lượng doanh nghiệp tư nhân Việt có sự cải thiện đáng kể. Tính toán từ các số liệu của VCCI (2020, 2021) cho thấy doanh thu thuần của lực lượng doanh nghiệp tư nhân Việt tăng bình quân năm trong giai đoạn này là 21,13%, cao hơn mức chung (đạt 17,6%) và doanh nghiệp nhà nước (đạt 10,78%), xấp xỉ bằng với doanh nghiệp FDI (đạt khoảng 22%). Với kết quả này, khu vực doanh nghiệp tư nhân Việt có vai trò đóng góp lớn nhất so với các khu vực kinh tế khác trên các khía cạnh tăng trưởng kinh tế.

Hình 4: Đóng góp của doanh nghiệp Việt Nam vào các khía cạnh tăng trưởng kinh tế 2022



Nguồn: tính toán từ nguồn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2022a).

Trong Bảng xếp hạng FAST500 – Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam do Vietnam Report và VietNam.Net công bố vào tháng 3 năm 2023, doanh nghiệp tư nhân chiếm đa số với 82,4% và tỷ lệ này khá ổn định trong nhiều năm gần đây.

Thứ ba, đã xuất hiện những doanh nghiệp tư nhân lớn có khả năng trở thành các “sếu đầu đàn” trong cuộc đua nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt.

Trong bảng xếp loại doanh nghiệp tư nhân Việt, có khoảng 500 doanh nghiệp lớn nhất cả nước, chiếm 0,08% số lượng doanh nghiệp, nhưng tạo việc làm cho 10,4% lao động, chiếm 13% tổng giá trị tài sản, 15,8% doanh thu thuần của khu vực doanh nghiệp tư nhân cả nước. Nhiều tập đoàn kinh tế tư nhân, điển hình trong đó là: Sun Group, Vingroup, Trường Hải, Hoàng Anh - Gia Lai, Masan, FPT, TH True Milk, Hòa Phát... không chỉ dẫn đầu ở các lĩnh vực hoạt động trong nước, mà đã và đang xây dựng, phát triển thành công những sản phẩm, công trình mang tầm vóc khu vực và thế giới. Theo Cục đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2022) cho thấy, nhiều trong số các tập đoàn trên đã thực hiện đầu tư ra nước ngoài với quy mô trên 1 tỷ USD (Vingroup, Golf Long Thành, tập đoàn Hoàng Anh - Gia lai) và phát triển kinh doanh ở nhiều lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, công nghiệp chế biến, công nghệ - kỹ thuật và ngân hàng trên cả một số thị trường có tính cạnh tranh cao như Mỹ, Đức, Nga, Ba Lan. Những dấu hiệu này đã giúp nhen nhóm ý tưởng nâng tầm vị trí doanh nghiệp tư nhân Việt lên một bước cao hơn trong thời gian tới, khi những doanh nghiệp tư nhân lớn này trở thành những “sếu đầu đàn” thực hiện vai trò dẫn dắt toàn bộ khu vực kinh tế tư nhân Việt đi lên.

Thứ tư, mô hình các doanh nghiệp tư nhân thực hiện kinh doanh tạo tác động (kinh doanh bao trùm) đã bắt đầu xuất hiện có hiệu quả rõ rệt.

Doanh nghiệp kinh doanh tạo tác động là doanh nghiệp quy mô lớn hoặc có tiềm năng trở thành quy mô lớn, thực hiện kinh doanh bắt nguồn từ mục tiêu vì lợi nhuận và bền vững thương mại nhưng lại liên kết được với các doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, sử dụng được cả những tầng lớp người yếu thế của xã hội, nhằm gắn kết họ vào chuỗi giá trị thuộc ngành nghề kinh doanh cốt lõi của công ty, với tư cách là nhà cung ứng đầu vào, nhà phân phối, bán lẻ hoặc khách hàng, giúp cho các doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và tầng lớp yếu thế trong xã hội có cơ hội trực tiếp tạo nguồn thu nhập cao và ổn định. Hiện nay, qua khảo sát của nhóm nghiên cứu, mô hình doanh nghiệp kinh doanh tạo tác động đã có ở Việt Nam, và chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh nông nghiệp: Doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu tôm Minh Phú (Kiên Giang), doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gạo Hồng Tân (Sóc Trăng), tập đoàn Hòa Phát (sản xuất và kinh doanh chăn nuôi). Mỗi doanh nghiệp thực hiện kinh doanh tạo tác động đã thu hút được hàng trăm hộ gia đình vào cam kết nuôi tôm, trồng lúa, chăn nuôi theo phương thức mới hiệu quả cao. Phát triển kinh doanh tạo tác động ở một số tập đoàn tư nhân Việt là một hướng đi mới, sáng tạo, phù hợp xu hướng hợp nhập và nâng cao năng lực cạnh tranh của mạng lưới doanh nghiệp tư nhân của người Việt Nam. Thực tế, lúa gạo của tập đoàn lúa gạo (Hồng Tân) đã nhận được chứng chỉ SRP để xuất khẩu lúa gạo, tôm của tập đoàn sản xuất và xuất khẩu tôm (Minh Phú) đã nhận được chứng chỉ ASC để được phép xuất khẩu tôm sang EU. Mô hình lúa-tôm (quảng canh) được coi là mô hình thích ứng biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long. Đây chính là hướng đi nhằm thực hiện phát triển hài hòa, bền vững ở góc độ doanh nghiệp và nó thực sự củng cố vị trí dẫn dắt của các tập đoàn hay doanh nghiệp tư nhân lớn trong định hướng kinh doanh.

4.2. Những vấn đề đang được đặt ra đối với kinh tế tư nhân Việt Nam hiện nay

Mặc dù đã có những đóng góp tích cực thể hiện rõ vai trò động lực quan trọng của doanh nghiệp tư nhân Việt đối với sự phát triển kinh tế đất nước theo kỳ vọng và sự lãnh đạo của Đảng. Tuy nhiên, hiện nay, khu vực này cũng còn nhiều vấn đề bất cập, bài viết khai thác chủ yếu vào những bất cập khi xét về cấu trúc hệ thống của lực lượng doanh nghiệp tư nhân Việt.

Một là, tính chất nhỏ bé về quy mô doanh nghiệp và tính kém hiệu quả trong kinh doanh.

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2022b), trong tỷ trọng đóng góp 43% vào GDP năm 2022 của kinh tế tư nhân thì 33% đến từ 5,2 triệu hộ sản xuất - kinh doanh, cá nhân kinh doanh, trong khi đó doanh nghiệp tư nhân chính thức chỉ đóng góp 10%. Đáng nói hơn, doanh nghiệp tư nhân Việt có xu hướng quy mô ngày càng nhỏ. Tính toán từ Sách Trắng doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2022a), các số liệu ở Bảng 1.

Bảng 1: Quy mô Doanh nghiệp tư nhân so với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp FDI

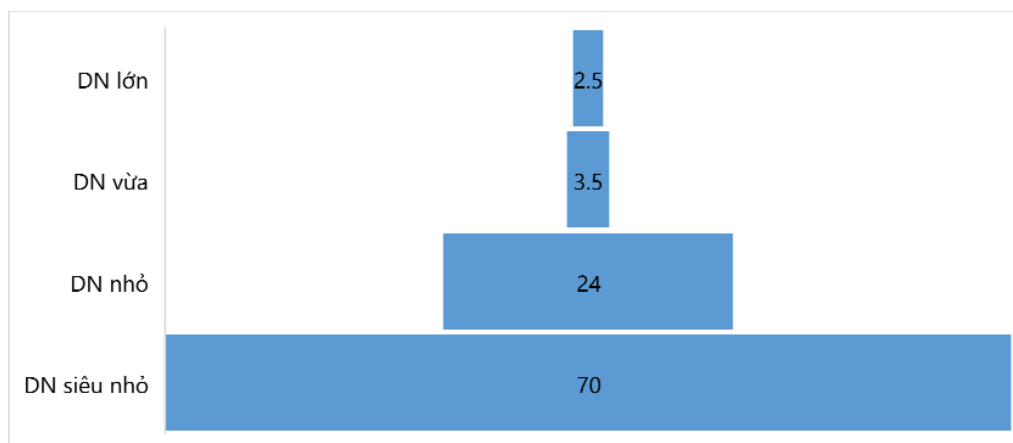
Loại hình doanh nghiệp	Số lao động bình quân 1 doanh nghiệp (lao động)	Vốn (tỷ đồng)
Doanh nghiệp tư nhân	13	43,8
Doanh nghiệp nhà nước	514,4	53000
Doanh nghiệp FDI	229	420

Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2022a).

Trong số các doanh nghiệp tư nhân, có tới 94% doanh nghiệp quy mô nhỏ, trong đó 69,5% là doanh nghiệp siêu nhỏ với doanh thu thuần bình quân trên 1 doanh nghiệp chỉ là 1,46 tỷ đồng, 22,89 tỷ đồng đối với doanh nghiệp nhỏ, thấp hơn nhiều so với các doanh nghiệp vừa và doanh nghiệp lớn (các số liệu tương ứng là 112,42 tỷ đồng và 1123,88 tỷ) (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2022a). Chính vì quy mô quá nhỏ nên so với các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp FDI, hiệu quả kinh doanh thể hiện ở các chỉ số ROA, ROE và ROS, số vòng quay vốn của doanh nghiệp tư nhân Việt Nam là thấp nhất; tỷ lệ doanh nghiệp thua lỗ cao nhất (48,3%); chỉ số nợ cao nhất, và thu nhập bình quân đầu lao động thấp nhất (chỉ bằng 62,7% so với doanh nghiệp nhà nước và 72% doanh nghiệp FDI), năng suất lao động bình quân của doanh nghiệp tư nhân Việt chỉ bằng 34% năng suất lao động của khu vực doanh nghiệp nhà nước và khoảng 69% doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2021). Như vậy, khó có thể có một khu vực kinh tế tư nhân có năng lực cạnh tranh cao với khả năng đóng góp mạnh mẽ vào sự phát triển bền vững của nền kinh tế nếu như phần lớn sản phẩm trong nước và việc làm của kinh tế tư nhân được tạo ra bởi khu vực không chính thức và quy mô nhỏ, siêu nhỏ.

Hai là, các doanh nghiệp lớn với vai trò là “sếu đầu đàn” cũng như các doanh nghiệp vừa với vai trò là bộ phận kết nối trung gian giữa doanh nghiệp lớn và nhỏ giữa còn quá ít và vai trò dẫn dắt còn rất hạn chế.

Hình 5: Tỷ lệ doanh nghiệp tư nhân theo quy mô 2022



Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2022b).

Hình trên cho thấy, một số lượng doanh nghiệp lớn quá ít (2,5% tổng số doanh nghiệp) làm hạn chế khả năng tận dụng lợi thế nhờ quy mô, chuyên môn hóa, cải thiện trình độ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của khu vực doanh nghiệp tư nhân Việt, không đủ tạo ra lực hút để thực hiện vai trò dẫn dắt toàn bộ lực lượng doanh nghiệp tư nhân Việt trong quỹ đạo phát triển của họ. Sự thiếu vắng các doanh nghiệp quy mô vừa đã phản ánh các doanh nghiệp tư nhân nhỏ thiếu năng lực, động cơ và tham vọng lớn lên về quy mô. Tỷ lệ nhỏ các doanh nghiệp tư nhân quy mô vừa cũng không đủ khả năng đóng vai trò trung gian kết nối các doanh nghiệp nhỏ trong quỹ đạo trục xoay của các doanh nghiệp lớn. Hiện tượng trên thể hiện một phần quan trọng chỉ đạo trong phát triển là chủ yếu quan tâm nhiều đến gia tăng số lượng hay thành lập mới doanh nghiệp, chứ chưa có chính sách thỏa đáng trong việc nâng cấp doanh nghiệp.

Ba là, các doanh nghiệp tư nhân quy mô lớn (tập đoàn kinh tế) chưa thực hiện vai trò dẫn dắt trong mô hình phát triển đa tầng lực lượng doanh nghiệp tư nhân Việt.

Các tập đoàn kinh tế tư nhân Việt, có kết quả hoạt động kinh doanh tốt, nhưng trong hoạt động kinh doanh, kể cả khi đầu tư ra nước ngoài, nhìn chung chủ yếu vẫn là hoạt động kinh doanh mang tính độc lập, khép kín trong nội bộ tập đoàn, không có sự liên kết với nhau trong kinh doanh, thậm chí “thủ thế” với nhau kể cả trong quan điểm kinh doanh. Mặt khác, các tập đoàn kinh tế tư nhân lớn của Việt Nam còn chưa có các chiến lược kinh doanh dựa trên phát triển các ngành công nghệ nguồn, hoặc các ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm thượng nguồn, vì thế nhu cầu (thị trường) hình thành các chuỗi cung ứng nội địa hoàn chỉnh - cơ sở của việc thực hiện liên kết kinh doanh, còn thiếu. Quan trọng hơn, trong “sứ mệnh” hay “tầm nhìn” phát triển của các tập đoàn lớn vẫn chưa đặt vấn đề xây dựng và phát triển được các chuỗi - mạng sản xuất do các tập đoàn làm chủ, vì thế thực tế, chưa có chuỗi - mạng sản xuất liên kết các doanh nghiệp lớn - vừa và nhỏ của lực lượng doanh nghiệp tư nhân Việt thành một khối sức mạnh. Việc lực lượng doanh nghiệp tư nhân Việt chưa thực sự có các “sếu đầu đàn” là một nguyên nhân lớn dẫn đến doanh nghiệp tư nhân Việt khó lớn, chậm lớn, không thể trưởng thành trong cạnh tranh quốc tế.

Bốn là, còn thiếu các điều kiện tiên quyết để các doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể tham gia liên kết kinh doanh với các doanh nghiệp quy mô lớn của khu vực tư nhân cũng như của các khu vực kinh tế khác.

Hiện nay, theo Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2021), tính liên kết và văn hóa hợp tác giữa các doanh nghiệp Việt Nam còn mang tính hình thức, chưa thực sự tạo thành khối liên kết để cùng nhau phát triển, chưa nhìn được giá trị lợi ích chung của việc hợp tác, liên kết, tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn hơn. Các doanh nghiệp Việt Nam chưa chú trọng cải thiện khả năng liên kết, nâng cao năng lực cạnh tranh để tham gia chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu. Hiện chỉ có khoảng 21% doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia được một phần chuỗi giá trị toàn cầu, 14% thành công trong việc liên kết với đối tác nước ngoài, trong khi số doanh nghiệp FDI đầu tư tại Việt Nam rất nhiều (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2021). Có nhiều nguyên nhân cho sự hạn chế của liên kết giữa doanh nghiệp nhỏ và vừa với các doanh nghiệp lớn, nhưng một trong những vấn đề quan trọng phải kể đến, đó là: các điều kiện cần thiết cho việc thực hiện sự tham gia của khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa vào chuỗi sản xuất hay liên kết với các doanh nghiệp lớn còn thiếu nhiều: (i) Bản thân các doanh nghiệp nhỏ và vừa khu vực tư nhân của Việt Nam với quy mô quá nhỏ, sự yếu kém về chất lượng nguồn nhân lực, tài chính, trình độ công nghệ, kỹ thuật sản xuất, kỹ năng quản lý, khả năng nghiên cứu và phát triển sản phẩm, nên khả năng tham gia với vai trò là vệ tinh trong hệ thống tổng thể doanh nghiệp tư nhân nói chung có hạn; (ii) Công nghiệp hỗ trợ ở Việt Nam vẫn chưa thực sự phát triển, vì thế chưa có “sân chơi” trực tiếp giúp các doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể tham gia sâu vào chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp lớn; (iii) Mạng lưới doanh nghiệp vừa còn quá mỏng không đủ sức để đảm bảo vai trò là thành tố trung gian kết nối các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ vào quỹ đạo.

5. Khuyến nghị nhằm phát triển kinh tế tư nhân thực sự là động lực mạnh thúc đẩy phát triển kinh tế Việt Nam

Thứ nhất, cần xem xét sự phát triển kinh tế tư nhân Việt Nam theo cách tiếp cận là lực lượng kinh tế tư nhân Việt Nam (gọi tắt là lực lượng doanh nghiệp tư nhân Việt). Theo đó, lực lượng doanh nghiệp tư nhân Việt được hiểu không phải chỉ là số lượng, quy mô của các doanh nghiệp tư nhân, mà là một tổng thể cấu trúc các doanh nghiệp tư nhân mang quốc tịch Việt, trong đó mỗi bộ phận được xác định trong mối quan hệ với các bộ phận khác và với tổng thể hệ thống, tạo thành nền tảng của nền kinh tế thị trường ở Việt Nam. Theo quan niệm trên, sự phát triển của lực lượng doanh nghiệp Việt thể hiện trên hai mặt số và chất lượng. Mặt số lượng là sự thay đổi về số lượng, quy mô của doanh nghiệp tư nhân Việt và những đóng góp của nó đối với nền kinh tế, xã hội. Còn mặt chất lượng, thể hiện ở sự liên kết phát triển giữa các bộ phận trong tổng thể hệ thống doanh nghiệp tư nhân Việt. Theo quan điểm này, xét về nguyên tắc định hướng, việc xem xét phát triển doanh nghiệp tư nhân Việt sẽ khác so với tư duy mấy chục năm qua, thiên lệch về số lượng, coi số lượng doanh nghiệp thành lập là tiêu chí chủ yếu đánh giá kết quả hoạt động bộ máy và thành tích phát triển quốc gia.

Thứ hai, cần có chiến lược xây dựng và phát triển bộ phận doanh nghiệp tư nhân quy mô lớn (các tập đoàn kinh tế) đóng vai trò “sếu đầu đàn” cho toàn bộ lực lượng doanh nhân Việt.

Để thực hiện được điều kiện trên, về phía các doanh nghiệp tư nhân lớn, cần: (i) Xây dựng để có được năng lực đủ mạnh toàn diện để trở thành những trụ cột, nền tảng có đủ sức lan tỏa phát triển to lớn tới các bộ phận khác của kinh tế tư nhân trong nước để phát triển được các ngành kinh tế mũi nhọn nhằm nâng tầm thương hiệu Việt; (ii) Phải thể hiện rõ trong sứ mệnh, tầm nhìn và chiến lược phát triển của mình một bản lĩnh, trọng trách đảm nhận vai trò đầu đàn dẫn dắt các doanh nghiệp tư nhân nhỏ và vừa vào các “chuỗi”, “mạng” sản xuất Việt Nam hoặc quốc tế mà họ làm những trực chính, sẵn sàng và kiên định với sứ mệnh nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người Việt. Về phía nhà nước, cần khuyến khích các doanh nghiệp lớn đầu tư để cải tạo năng suất, chuyển dần sang tăng trưởng theo chiều sâu, có chính sách kinh tế thúc đẩy liên kết doanh nghiệp lớn với các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước, các doanh nghiệp lớn của khu vực nhà nước và khu vực FDI. Cần khuyến khích và tạo phong trào để từng địa phương xây dựng được các doanh nghiệp tư nhân hàng đầu của mình dựa trên những lợi thế địa phương và vươn tầm hoạt động trên phạm vi cả nước. Mặt khác, Nhà nước cần có các chính sách để *Chấp cánh cho tập đoàn tư nhân vươn mình ra thế giới*, trong đó nhấn mạnh đến: những đột phá trong cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh hướng tới các chuẩn mực tiên tiến trên thế giới; mạnh mẽ cắt bỏ những thủ tục gây cản trở cho doanh nghiệp chứ không chỉ “đơn giản hóa” thủ tục. Trong trung và dài hạn, tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; thúc đẩy ứng dụng và phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, tận dụng thành tựu của cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thúc đẩy doanh nghiệp lớn khu vực tư nhân chủ động thành lập và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu, tăng cường sự kết nối, liên kết theo chuỗi giá trị giữa doanh nghiệp lớn khu vực tư nhân với doanh nghiệp lớn của nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

Thứ ba, nâng cao năng lực của hệ thống các doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ để có đủ điều kiện tham gia được một cách bền vững vào các chuỗi, mạng sản xuất trong nước và quốc tế do các “sếu đầu đàn” tạo dựng.

Trước hết là việc nỗ lực đẩy mạnh khu vực hộ kinh doanh (hiện nay khoảng trên 5 triệu hộ) chiếm tỷ trọng 30% trong cơ cấu GDP của toàn bộ nền kinh tế phát triển trở thành doanh nghiệp. Các chính sách thực hiện khuyến khích chuyển đổi cần đảm bảo sự ưu đãi thực chất và hữu dụng, cụ thể: (i) Các chính sách cần chú ý đến những “ưu thế” của mô hình hộ kinh doanh không bị mất đi sau khi chuyển đổi, ví dụ áp dụng thuế đối với doanh nghiệp tư nhân ở mức thấp, tương đương mức mà các hộ kinh doanh đang phải nộp, điều chỉnh các quy định về thuế để các doanh nghiệp tư nhân được sử dụng hình thức khai thuế đơn giản, dễ thực hiện; (ii) Một số chính sách hỗ trợ thủ tục chuyển đổi vẫn tiếp tục phải tăng cường như đơn giản hóa quy trình, cho phép họ được kế thừa những giấy phép đã có khi đăng ký thành lập doanh nghiệp trong những ngành nghề kinh doanh có điều kiện; (iii) Các chính sách giúp giảm thiểu rủi ro trong quá trình chuyển đổi như cải cách thủ tục hành chính liên quan đến thuế, kiểm định, truy xuất nguồn gốc và giảm thiểu chi phí tuân thủ pháp luật sau khi chuyển đổi; xây dựng chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp nhiều bậc để phù hợp với quy mô doanh nghiệp mới chuyển đổi.

Tiếp đến, nhà nước cần có chính sách trợ giúp các doanh nghiệp vừa và nhỏ về mặt bằng sản xuất, xúc tiến mở rộng thị trường, trợ giúp về thông tin và tư vấn, trợ giúp phát triển nguồn nhân lực, vườn ươm doanh nghiệp. Cần có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực công nghệ, trình độ kỹ thuật, hiện đại hóa công nghệ nâng cao năng suất lao động, chính sách thuế, hỗ trợ tài chính, tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi phù hợp để khuyến khích. Các sự trợ giúp hỗ trợ nói trên giúp các doanh nghiệp nhỏ và vừa có khả năng tham gia vào các chuỗi sản xuất và cung ứng của các tập đoàn kinh tế lớn của tư nhân, nhà nước và FDI.

Tài liệu tham khảo:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2021), *Đổi mới toàn diện quản lý nhà nước trong phát triển kinh tế tư nhân Việt Nam*, Hà Nội.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2022a), *Sách Trắng doanh nghiệp Việt Nam*, nhà xuất bản Thống kê.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2022b), *Tài liệu chuẩn bị Hội nghị Thủ tướng Chính phủ với doanh nghiệp*, Cục Phát triển doanh nghiệp 2022.

-
- Bộ Ngoại giao và Thương mại Chính phủ Úc (2014), *Private sector development*, Úc.
- Cục đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2022), *Báo cáo Về tình hình đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài*, Hà Nội.
- Đảng cộng sản Việt Nam (1988), *Nghị quyết 16 của Bộ Chính trị (khóa VI)*, ban hành ngày 15 tháng 7 năm 1988.
- Đảng cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX)*, Hà Nội.
- Đảng cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Sự thật.
- Đảng cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, nhà xuất bản Chính Trị Quốc Gia Đại hội XI.
- Đảng cộng sản Việt Nam (2017), *Nghị quyết số 10-NQ/TW về Hội nghị Trung ương lần thứ năm (khóa XII)*, ban hành ngày 3 tháng 6 năm 2017.
- Đảng cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, nhà xuất bản Chính Trị Quốc Gia.
- EC (2014), *A Stronger Role of the Private Sector in Achieving Inclusive and Sustainable Growth in Developing Countries*, Bruxelles.
- Haider, H. (2014), *Conflict Sensitivity (Topic Guide)*, Birmingham: University of Birmingham.
- IFC (2011), *Institutions and Development through Private Sector*, World Bank Group.
- Lê-nin, V.I. (1978), *Lê Nin toàn tập*, tập 43, nhà xuất bản Tiến Bộ, Matxcva.
- Mac Sweeney, N. (2008), *Private-sector Development in Post-conflict Countries*, Cambridge: DCED.
- Nafziger, E.W. (1998), *Kinh tế học của các nước đang phát triển*, nhà xuất bản Thống kê.
- Ngô Thắng Lợi (2011), *Hoạch định phát triển*, nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Sự thật.
- Todaro, M.P. (1997), *Kinh tế học cho thế giới thứ Ba*, nhà xuất bản Giáo dục.
- VCCI (2020), *Báo cáo thường niên Doanh nghiệp Việt Nam 2019/2020*, nhà xuất bản Thông tấn.
- VCCI (2021), *Cơ sở dữ liệu doanh nghiệp tại Việt Nam*, Hà Nội.